THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1865/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm các hồ, đập: A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 2, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2, đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít và Nhà máy nước Cầu Đỏ.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ

về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

2. Khi hồ Sông Tranh 4 và Đắk Mi 2 được cấp có thẩm quyền cho phép tích nước thì phải vận hành theo các quy định của Quy trình này.

3. Các Quy trình vận hành của các hồ, đập quy định tại Điều 1 của Quyết định này đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với quy định của Quy trình này thì phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; các Bộ trưởng: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố: Quảng Nam và Đà Nẵng; Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trịnh Đình Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hàng năm, các hồ: A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 2, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2 và các đập: An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Sông Bung 4 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 5.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện: A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 2, Sông Bung 6, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3 và Sông Tranh 3 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện: Za Hung, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1 và Sông Côn 2 bậc 2 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện A Vương 3 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và dòng chảy tối thiểu trên sông.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước và phát điện.

Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ): từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn): từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 31 tháng 8 năm sau.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ chứa phải tuân thủ trình tự, phương thức đóng, mở cửa van theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành, nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối; bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ chứa.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa

Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa theo Phụ lục I của Quy trình này.

Chương II
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ đã được cấp có thẩm quyền ban hành, trừ các trường hợp bất thường quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm không gây dòng chảy đột biến, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân ở khu vực ven sông ở hạ du các hồ chứa; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt quá mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Khi kết thúc quá trình giảm lũ cho hạ du, vận hành trong tình huống bất thường hoặc vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về cao trình mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1 của Quy trình này.

Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu thực hiện theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ được quy định tại Bảng 1.

Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ không được vượt quá mực nước dâng bình thường.

Bảng 1. Mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ

Hồ	Mực nước hồ (m)	
	Từ 01/9 - 15/11	**Từ 16/11 - 15/12**
A Vương	376,0	377,0 - 380,0
Đắk Mi 4	255,0	256,0 - 258,0
Sông Tranh 2	172,0	173,0 - 175,0
Sông Bung 4	217,5	218,5 - 222,5
Sông Bung 2	600,0	602,0 - 605,0

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Hồ	Mực nước hồ (m)	
	Từ 01/9 - 15/11	**Từ 16/11 - 15/12**
A Vương	370,0	377,0
Đắk Mi 4	251,5	256,0
Sông Tranh 2	165,0	173,0
Sông Bung 4	216,0	218,5
Sông Bung 2	595,0	602,0

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ cắt, giảm lũ cho hạ du

Mực nước để quyết định vận hành các hồ cắt, giảm lũ cho hạ du đối với Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu là giá trị nằm giữa (trung bình cộng) của mực nước tương ứng với cấp báo động II và báo động III của từng trạm.

Điều 7. Các chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ

1. Việc vận hành các hồ trong mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

(i) Đối với các hồ có quy định mực nước cao nhất trước lũ tại Bảng 1 và mực nước đón lũ thấp nhất tại Bảng 2 được quy định cụ thể tại các Điều 8 và Điều 9 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ chế độ vận hành sau:

- Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất hoặc về mực nước cao nhất trước lũ theo quy định để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực nước hồ, lưu lượng về hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ, tạo thêm dung tích phòng lũ;

- Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%) nhằm duy trì mực nước hồ;

- Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt mực nước dâng bình thường.

Ngoài ra, việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm cả chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất đối với trường hợp mực nước hồ thấp hơn so với mực nước đón lũ theo quy định.

(ii) Đối với các hồ chứa khác việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại Điều 10 của Quy trình này.

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Za Hung đạt đến 455,94 m) mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định tại Điều 12 của Quy trình này;

d) Vận hành trong tình huống bất thường: là quá trình điều chỉnh chế độ vận hành hồ để xử lý các tình huống cụ thể được quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và được quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

đ) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, dòng chảy tối thiểu trên sông gắn với nhiệm vụ phát điện và được quy định cụ thể tại Điều 13 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa lớn, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt ở hạ du trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp không có dự báo có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt: 450 m^3/s đối với hồ A Vương, 550 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4 và Đắk Mi 4, 900 m^3/s đối với hồ Sông Tranh 2 và 150 m^3/s đối với hồ Sông Bung 2 (sau đây gọi chung là xuất hiện lũ về hồ) thì phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định.

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện tình huống quy định tại điểm này cho đến khi có bản tin kết thúc đợt mưa, lũ hoặc mực nước tại các trạm thủy văn quy định tại khoản 1 Điều 6 đã xuống dưới mức báo động I, còn đang tiếp tục xuống và không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới mà mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất trước lũ theo quy định của Quy trình này;

b) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng đối với hồ Za Hung mực nước đạt đến 455,94 m) mà lũ về hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường (riêng đối với hồ Za Hung mực nước đã giảm xuống dưới 455,94 m) và lũ về hồ đã giảm;

c) Các hồ phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường nếu trong quá trình vận hành mà xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Tổng cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo tiếp tục xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện đợt mưa, lũ lớn tiếp theo mà ở dưới hạ du đang bị ngập, lụt do lũ, ngập lụt với cấp độ rủi do thiên tai từ cấp độ 3 trở lên;

- Mực nước của một trong các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2 và Sông Bung 2 đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà mực nước tại một trong các trạm thủy văn quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy trình này vẫn trên báo động III;

- Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của hồ chứa, an toàn công trình thủy lợi, kết cấu hạ tầng ở hạ du;

- Các tình huống bất thường khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam hoặc thành phố Đà Nẵng quyết định để đảm bảo an toàn cho hạ du.

Việc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường được thực hiện kể từ khi xuất hiện một trong các tình huống bất thường quy định tại điểm này cho đến khi các tình huống đó đã hết hoặc đã được khắc phục.

d) Các hồ thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ sau ngày 15 tháng 11 mà không có bản tin cảnh báo hoặc dự báo quy định tại điểm a khoản này và Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo trong 10 ngày tới ở các địa phương trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn không xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn trên lưu vực;

đ) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, các hồ thực hiện chế độ vận hành đảm bảo cấp nước và phát điện kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước cao nhất trước lũ (sau đây gọi tắt là chế độ vận hành bình thường).

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du do Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam quyết định việc vận hành các hồ;

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định việc vận hành các hồ;

c) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình, vận hành trong điều kiện bình thường và vận hành tích nước cuối mùa lũ do Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hồ (sau đây gọi tắt là Chủ hồ) quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Đối với chế độ vận hành trong điều kiện bình thường và vận hành tích nước cuối mùa lũ, trường hợp Nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn không thể khai thác mà việc khai thác nước từ Trạm bơm An Trạch không đủ cung cấp nước cho Nhà máy nước Cầu Đỏ, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành xả nước (lưu lượng, thời gian xả) của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Sông Côn 2 bậc 1 và chế độ vận hành cửa van của đập An Trạch theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy trình này;

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp bằng các hình thức phù hợp khác (sau đây gọi chung là lệnh vận hành). Trường hợp không chỉ đạo bằng văn bản thì Chủ hồ phải thông báo lại việc thực hiện bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ kiểm tra, giám sát việc vận hành.

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ không nhận được quyết định, chỉ đạo của Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định của Quy trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo ngay Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ A Vương, Đắk Mi 4, sông Bung 4 và Sông Bung 2

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành hạ thấp mực nước hồ để hạ dần mực nước hồ, nhưng tối đa không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang

thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ quy định tại điểm b, cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c, hạ dần mực nước hồ quy định tại điểm d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

b) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách hoặc Ái Nghĩa vượt mức báo động II nhưng vẫn dưới mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ đạt mức quy định dưới đây thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ:

- Từ 450 m^3/s đến 600 m^3/s đối với hồ A Vương;

- Từ 550 m^3/s đến 700 m^3/s đối với hồ Đắk Mi 4;

- Từ 550 m^3/s đến 700 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4;

- Từ 150 m^3/s đến 200 m^3/s đối với hồ Sông Bung 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c, hạ dần mực nước hồ quy định tại điểm d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

c) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách hoặc Ái Nghĩa vượt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng về hồ như sau thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du:

- Lớn hơn 600 m^3/s đối với hồ A Vương;

- Lớn hơn 700 m^3/s đối với hồ Đắk Mi 4;

- Lớn hơn 700 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4;

- Lớn hơn 200 m^3/s đối với hồ Sông Bung 2.

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ;

đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ mực nước hồ để hạ dần mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1, nếu xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách hoặc Ái Nghĩa vẫn trên mức báo động I nhưng đều dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Sông Tranh 2

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn và Câu Lâu đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành hạ thấp mực nước hồ để hạ dần mực nước hồ, nhưng tối đa không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn và Câu Lâu, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ quy định tại điểm b, cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c, hạ dần mực nước hồ quy định tại điểm d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

b) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn hoặc Câu Lâu vượt mức báo động II nhưng vẫn dưới mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng về hồ từ 900 m^3/s đến 1.500 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn và Câu Lâu, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c, hạ dần mực nước hồ quy định tại điểm d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

c) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn hoặc Câu Lâu vượt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này hoặc lưu lượng về hồ lớn hơn 1.500 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ mực nước hồ để hạ dần mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1, nếu xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn và Câu Lâu đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn hoặc Câu Lâu vẫn trên mức báo động I nhưng đều dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Nếu mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn và Câu Lâu đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước Trạm thủy văn Nông Sơn, Câu Lâu và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 10. Phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ khác

Trong quá trình các hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Sông Tranh 2 vận hành, các hồ chứa khác phải tham gia cùng với các hồ chứa bậc trên, bậc dưới phối hợp vận hành để giảm lũ cho hạ du phù hợp với năng lực thực tế của hồ, tình hình mưa, lũ, không gây lũ chồng lũ và được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các hồ Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Za Hung, Đắk Mi 3 và Sông Côn 2 bậc 2

a) Trong quá trình các hồ bậc trên vận hành giảm lũ cho hạ du, vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%);

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng đối với hồ Za Hung mực nước đạt đến 455,94 m) thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

2. Đối với các hồ A Vương 3, Đắk Mi 2, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1

a) Trong quá trình các hồ vận hành giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, phải phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường;

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

3. Ngoài việc thực hiện phối hợp vận hành hồ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, các hồ phải thực hiện việc vận hành hồ theo quyết định, chỉ đạo của Trưởng ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy trình này (nếu có).

Điều 11. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Za Hung đạt đến 455,94 m) mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình thì phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đồng thời phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.

Điều 12. Tích nước cuối mùa lũ

1. Khi các hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Sông Bung 2 thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 thì các Chủ hồ phải báo cáo tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam. Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không được vượt quá khoảng mực nước tương ứng quy định tại Bảng 1.

2. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1 Điều này, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ, mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo để điều chỉnh, chuyển sang chế độ vận hành hồ giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du) hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình (nếu có) phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy trình này.

3. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du, bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của nhân dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở dưới hạ du theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

Điều 13. Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ được thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường theo quy định của Quy trình này, Chủ hồ được chủ động vận hành phát điện, cấp nước nhưng phải đảm bảo yêu cầu về mực nước cao nhất trước lũ, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải thực hiện vận hành hàng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở dưới hạ du như sau:

1. Đối với các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn:

a) 15 m^3/s đối với hồ A Vương;

b) 25 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4;

c) 27 m^3/s đối với hồ Sông Tranh 2;

d) 1,5 m^3/s đối với hồ Sông Côn 2 bậc 1;

đ) 2 m^3/s đối với hồ Khe Diên.

2. Đối với hồ Đắk Mi 4: vận hành xả nước liên tục về hạ du sông Vu Gia với lưu lượng không nhỏ hơn 3 m^3/s.

3. Đối với hồ Sông Bung 4A phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 25 m^3/s.

4. Đối với hồ Sông Bung 5 phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 40 m^3/s.

5. Đối với hồ Sông Bung 6: Khi hồ Sông Bung 5 vận hành xả nước, hồ Sông Bung 6 vận hành xả nước với lưu lượng tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

6. Đối với các hồ A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4 và Sông Côn 2 bậc 2: vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

7. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp có yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam thì các hồ phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Sông Côn 2 bậc 1 và đập An Trạch, trường hợp Nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn không thể khai thác mà việc khai thác nước từ Trạm bơm An Trạch không đủ cung cấp nước cho Nhà máy nước Cầu Đỏ thì Chủ hồ phải thực hiện điều chỉnh chế độ vận hành theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy trình này.

Trường hợp mực nước hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên đã đến mực nước chết và lưu lượng đến hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại khoản 1 Điều này thì vận hành xả nước với lưu lượng tương đương lưu lượng đến hồ.

Điều 14. Vận hành các hồ trong các tình huống bất thường

Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an

toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của nhân dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác.

Điều 15. Vận hành các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít và Nhà máy nước Cầu Đỏ

1. Đối với các đập An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít và Hà Thanh: Việc vận hành các đập phải tuân thủ theo đúng quy trình vận hành của đập được cấp có thẩm quyền ban hành và không được mở cưỡng bức các cửa van của các đập (trừ trường hợp có lũ).

Riêng đối với đập An Trạch, trường hợp Nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn không thể khai thác mà việc khai thác nước từ Trạm bơm An Trạch không đủ cung cấp nước cho Nhà máy nước Cầu Đỏ thì có thể xem xét điều chỉnh chế độ vận hành theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy trình này.

2. Đối với Nhà máy nước Cầu Đỏ, vận hành khai thác nước sông Vu Gia như sau:

a) Khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của Nhà máy nước Cầu Đỏ nhỏ hơn 200 mg/l, lấy nước trực tiếp từ sông Vu Gia tại cửa lấy nước của nhà máy;

b) Khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của Nhà máy nước Cầu Đỏ trong khoảng từ 200 mg/l đến 1.000 mg/l, điều chỉnh giảm lưu lượng lấy qua cửa lấy nước của nhà máy và thực hiện lấy nước sông Vu Gia tối đa có thể từ trạm bơm nước tại đập dâng An Trạch;

c) Khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của Nhà máy nước Cầu Đỏ lớn hơn 1.000 mg/l, đóng kín cửa lấy nước của nhà máy và thực hiện việc bơm nước sông Vu Gia tối đa từ trạm bơm tại đập dâng An Trạch.

Chương III
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

Điều 16. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn.

2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở dưới hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình nhằm đưa mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình.

Điều 17. Các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn

1. Thời kỳ I: Từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 và từ ngày 11 tháng 4 đến 10 tháng 5.

2. Thời kỳ II: Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 10 tháng 4.

3. Thời kỳ III: từ ngày 11 tháng 5 đến ngày 10 tháng 6.

4. Thời kỳ IV: từ ngày 11 tháng 6 đến ngày 31 tháng 8.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn

1. Chủ hồ được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 của Quy trình này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 2, Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1 thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải đề xuất phương án vận hành hồ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm bảo đảm chậm nhất đến ngày 01 tháng 02 đưa mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 2, Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1 vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thì Chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam để xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp nhằm đưa dần mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình này. Việc điều chỉnh chế độ vận hành (lưu lượng, thời gian) xả nước xuống hạ du của các hồ được thực hiện cho đến khi mực nước hồ không thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

4. Trường hợp xảy ra hạn hán với cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán từ cấp độ 2 trở lên (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này), thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, dự báo lưu lượng đến hồ và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du, Chủ hồ lập phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo thẩm quyền quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai để xem xét, quyết định chế độ vận hành các hồ cho phù hợp với tình hình hạn hán và bảo đảm yêu cầu sử dụng tối thiểu đến cuối mùa cạn, bao gồm cả việc xem xét sử dụng một phần dung tích chết của các hồ thông qua việc xả nước qua các cửa van.

5. Trường hợp 24 giờ liên tục độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước Nhà máy nước Cầu Đỏ lớn hơn 1.000 mg/l (sau đây gọi tắt là trường hợp Nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn không thể khai thác) mà việc khai thác nước từ Trạm bơm An Trạch không đủ cung cấp nước cho Nhà máy nước Cầu Đỏ, thì căn cứ vào tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành xả nước (lưu lượng, thời gian xả) của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Sông Côn 2 bậc 1 và đập An Trạch về hạ lưu sông Vu Gia để giảm mặn.

Việc điều chỉnh chế độ vận hành xả nước của các hồ nêu trên phải bảo đảm phù hợp với năng lực, hiện trạng nguồn nước các hồ chứa và cân đối nguồn nước

đến hết mùa cạn và được thực hiện cho đến khi độ mặn nước sông Vu Gia tại Nhà máy nước Cầu Đỏ thấp hơn 700 mg/l trong 12 giờ liên tục.

6. Trường hợp trong thời gian vận hành mùa cạn quy định tại Điều 2 của Quy trình này mà xuất hiện một trong các tình huống bất thường dưới đây thì Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam quyết định theo thẩm quyền việc vận hành các hồ theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai:

a) Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 1 trở lên;

b) Khi mực nước của một trong các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2 và Sông Bung 2 đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà mực nước tại một trong các trạm thủy văn quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy trình này trên báo động I;

c) Xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố công trình;

d) Các tình huống khác có nguy cơ đe dọa đến an toàn công trình, khu vực hạ du do Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam hoặc thành phố Đà Nẵng quyết định.

Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ trong các tình huống bất thường quy định tại khoản này phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ và yêu cầu đảm bảo an toàn cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn công trình.

Điều 19. Vận hành đối với hồ A Vương

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước liên tục không ít hơn 12 giờ/ngày, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 09 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 21 giờ, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 22 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 26 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 35 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 28 m^3/s đối với thời kỳ IV;

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 18 m^3/s đến 22 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 22 m^3/s đến 26 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 30 m^3/s đến 35 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 24 m^3/s đến 28 m^3/s đối với thời kỳ IV;

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 15 m^3/s đến 18 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 18 m^3/s đến 22 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 25 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 20 m^3/s đến 24 m^3/s đối với thời kỳ IV.

Điều 20. Vận hành đối với hồ Sông Bung 4

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước liên tục không ít hơn 12 giờ/ngày, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 09 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 21 giờ, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 35 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 40 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 55 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 40 m^3/s đối với thời kỳ IV.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 28 m^3/s đến 35 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 30 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 40 m^3/s đến 55 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 30 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ IV.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 25 m^3/s đến 28 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 25 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 35 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 25 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ IV.

Điều 21. Vận hành đối với hồ Sông Tranh 2

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 7 giờ/ngày đối với các thời kỳ I, II, IV và 12 giờ/ngày đối với thời kỳ III, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 42 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 50 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 90 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 52 m^3/s đối với thời kỳ IV.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 32 m^3/s đến 42 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 40 m^3/s đến 50 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 80 m^3/s đến 90 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 42 m^3/s đến 52 m^3/s đối với thời kỳ IV.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 27 m^3/s đến 32 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 35 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 70 m^3/s đến 80 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 37 m^3/s đến 42 m^3/s đối với thời kỳ IV.

Điều 22. Vận hành đối với hồ Đắk Mi 4

1. Vận hành xả nước về hạ lưu sông Vu Gia

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, đồng thời phải căn cứ mực nước thực đo trung bình ngày hôm trước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa để vận hành theo quy định như sau:

a) Đối với thời kỳ I, II và IV: vận hành xả nước liên tục từ 21 giờ đến 09 giờ sáng hôm sau với lưu lượng:

- 25 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa nhỏ hơn 2,67 m;

- Không nhỏ hơn 16 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa trong khoảng từ 2,67 m đến 2,80 m;

- Không nhỏ hơn 6 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa lớn hơn 2,80 m.

b) Đối với thời kỳ III:

- Vận hành xả nước liên tục (24/24 giờ) với lưu lượng bằng 25 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa nhỏ hơn 2,67 m;

- Vận hành xả nước liên tục từ 21 giờ đến 09 giờ sáng hôm sau với lưu lượng: 25 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa trong khoảng từ 2,67 m đến 2,80 m; không nhỏ hơn 10 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa lớn hơn 2,80 m.

2. Vận hành xả nước về hạ lưu sông Thu Bồn

a) Sau khi đã bảo đảm việc vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào mực nước hồ hiện tại và dự báo dòng chảy đến hồ trung bình 10 ngày tới để

quyết định việc vận hành xả nước về hạ lưu sông Thu Bồn cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc vận hành xả nước về hạ lưu sông Thu Bồn phải đảm bảo duy trì mực nước hồ Đắk Mi 4 trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III hoặc cao hơn.

Trường hợp mực nước hồ Đắk Mi 4 cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì có thể xem xét điều chỉnh tăng lưu lượng xả nước phát điện về sông Thu Bồn.

Trường hợp mực nước hồ Đắk Mi 4 thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng phát điện về sông Thu Bồn nhằm đưa dần mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

Điều 23. Vận hành các hồ Sông Bung 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên trong mùa cạn

1. Đối với hồ Sông Bung 2:

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Không nhỏ hơn 9 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Không nhỏ hơn 13 m^3/s đối với thời kỳ III.

b) Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 6 m^3/s đến 9 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 10 m^3/s đến 13 m^3/s đối với thời kỳ III.

c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 4 m^3/s đến 6 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 8 m^3/s đến 10 m^3/s đối với thời kỳ III.

2. Đối với hồ Sông Côn 2 bậc 1

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 12 giờ/ngày, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

- Không nhỏ hơn 2 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Không nhỏ hơn 4 m^3/s đối với thời kỳ III.

b) Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 1 m^3/s đến 2 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 2,5 m^3/s đến 4 m^3/s đối với thời kỳ III.

c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 0,7 m^3/s đến 1 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 1 m^3/s đến 2,5 m^3/s đối với thời kỳ III.

3. Đối với hồ Khe Diên:

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

- Không nhỏ hơn 5 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Không nhỏ hơn 6 m^3/s đối với thời kỳ III.

b) Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 2 m^3/s đến 5 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 3 m^3/s đến 6 m^3/s đối với thời kỳ III.

c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 1 m^3/s đến 2 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 2 m^3/s đến 3 m^3/s đối với thời kỳ III.

Điều 24. Vận hành đối với hồ Sông Bung 4A, Sông Bung 5 và Sông Bung 6

1. Đối với hồ Sông Bung 4A

Hàng ngày, căn cứ kế hoạch vận hành xả nước của hồ Sông Bung 4, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước liên tục không ít hơn 12 giờ/ngày, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 09 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 21 giờ, đồng thời phải bảo đảm lưu lượng xả xuống hạ du tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

2. Đối với hồ Sông Bung 5

Hàng ngày, căn cứ kế hoạch vận hành xả nước của hồ A Vương và Sông Bung 4, mực nước hồ và diễn biến lưu lượng đến hồ Sông Bung 5, chủ hồ phải chủ động cân đối nguồn nước, xây dựng kế hoạch vận hành hàng ngày để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm thời gian vận hành xả nước liên tục về hạ du không ít hơn 12 giờ/ngày, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 11 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 23 giờ và bảo đảm lưu lượng xả nước về hạ du như sau:

a) Từ 80 m^3/s đến 120 m^3/s đối với các thời kỳ I, II và IV;

b) Từ 120 m^3/s đến 180 m^3/s đối với thời kỳ III;

c) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, trường hợp mực nước hồ Sông Bung 5 đạt 60,0 m mà lưu lượng đến hồ vẫn tăng thì được phép điều chỉnh tăng lưu lượng xả hoặc thời gian xả cho phù hợp để duy trì mực nước hồ không vượt quá 60,0 m.

3. Đối với hồ Sông Bung 6

Khi hồ Sông Bung 5 vận hành xả nước, hồ Sông Bung 6 vận hành xả nước với lưu lượng tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

Điều 25. Vận hành đối với các hồ chứa Sông Côn 2 bậc 2, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Đắk Mi 4b và Đắk Mi 4c

Hàng ngày, các hồ phải thực hiện vận hành xả nước về hạ du hồ, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm vận hành cấp nước cho hạ du như sau:

1. Đối với hồ Sông Côn 2 bậc 2, Sông Tranh 3 và Sông Tranh 4: Khi các hồ bậc trên liền kề vận hành xả nước, vận hành xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

2. Đối với các hồ A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Đắk Mi 4b và Đắk Mi 4c: vận hành xả nước xuống hạ du, bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

Điều 26. Vận hành các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít và Nhà máy nước Cầu Đỏ

1. Đối với các đập An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít và Hà Thanh:

a) Trong thời gian làm nhiệm vụ cấp nước trong mùa cạn, không được mở cưỡng bức các cửa van của các đập An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít và Hà Thanh, trừ trường hợp có lũ tiểu mãn;

b) Trường hợp Nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn không thể khai thác mà việc khai thác nước từ Trạm bơm An Trạch không đủ cung cấp nước cho Nhà máy nước Cầu Đỏ thì có thể xem xét điều chỉnh việc vận hành các cửa van của đập An Trạch theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy trình này để giảm mặn cho Nhà máy nước Cầu Đỏ.

2. Đối với Nhà máy Cầu Đỏ, vận hành khai thác nước sông Vu Gia theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy trình này.

Chương IV
QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 27. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng

1. Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam:

a) Trong mùa lũ:

- Tổ chức xây dựng giải pháp lưu trữ, cập nhật các thông tin, số liệu khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa và công cụ tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ;

- Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy trình này;

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành các hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm mở cửa xả đầu tiên, trừ các trường hợp khẩn cấp, bất thường;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi các hồ xả nước;

- Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn của các Bộ Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai bằng các hình thức phù hợp.

b) Trong mùa cạn:

Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp bất thường theo quy định tại khoản 6 Điều 18 của Quy trình này, đồng thời báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam để chỉ đạo, xử lý.

2. Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng:

a) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam, phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

b) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi các hồ xả nước.

3. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ lụt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

4. Việc thông báo các lệnh vận hành tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc thông báo trực tiếp bằng các hình thức phù hợp khác. Trường hợp không thực hiện thông báo lệnh vận hành bằng văn bản, thì người nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam:

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt

hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước;

b) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này;

c) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 và Điều 18 của Quy trình này;

d) Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền;

đ) Chỉ đạo xử lý các tình huống xả lũ khẩn cấp và ứng phó các sự cố khẩn cấp đối với hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn theo thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

e) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này;

g) Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này;

h) Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Chủ đập Thanh Quýt và Bàu Nít) vận hành các đập dâng Thanh Quýt và Bầu Nít theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 1 Điều 26 của Quy trình này;

i) Chỉ đạo các Chủ hồ, chủ đập lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ, đập và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 34 và khoản 3 Điều 35 của Quy trình này;

k) Chỉ đạo thực hiện việc thiết lập, quản lý hành lang thoát lũ của các hồ chứa và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng:

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước;

b) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 và khoản 5 Điều 18 của Quy trình này;

c) Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại;

d) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này;

đ) Chỉ đạo các địa phương có liên quan điều chỉnh lịch thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này;

e) Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Chủ đập An Trạch và Hà Thanh) vận hành các đập An Trạch và Hà Thanh theo quy định của Quy trình này;

g) Chỉ đạo Chủ đập An Trạch và Hà Thanh lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các đập và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Quy trình này;

h) Chỉ đạo Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng vận hành Nhà máy nước Cầu Đỏ theo quy định tại Điều 15 và Điều 26 của Quy trình này; đồng thời khẩn trương nâng cấp, lắp đặt bổ sung đường ống dẫn nước từ đập dâng An Trạch về Nhà máy nước Cầu Đỏ để bảo đảm cấp nước an toàn cho thành phố Đà Nẵng kể cả trường hợp Nhà máy nước Cầu Đỏ bị nhiễm mặn nhiều ngày không thể khai thác.

Điều 29. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với tình huống lũ, lụt, hạn hán ở hạ du theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và pháp luật về thủy lợi.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ thực hiện việc đảm bảo an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các hồ thủy điện thực hiện vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia chỉ thực hiện huy động điện của các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia nếu phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ, bảo đảm tích nước cuối mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này, trừ trường hợp bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo quy định.

4. Chỉ đạo việc xem xét, tách ra ngoài thị trường điện cạnh tranh hoặc xem xét điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng theo quy định của pháp luật về điện lực khi các hồ chứa phải điều chỉnh chế độ vận hành theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 18 của Quy trình này.

5. Chỉ đạo xử lý các tình huống xả lũ khẩn cấp và ứng phó các sự cố khẩn cấp đối với hệ thống công trình thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia -Thu Bồn theo

thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trong mùa lũ:

a) Chỉ đạo việc bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi có liên quan theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo xử lý các tình huống xả lũ khẩn cấp và ứng phó các sự cố khẩn cấp đối với hệ thống công trình thủy lợi trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn theo thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Trong mùa cạn:

a) Chỉ đạo địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước;

b) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan có liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình. Chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền.

2. Chỉ đạo Tổng cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn theo quy định của Quy trình này.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy trình này.

4. Tổ chức xây dựng hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu vận hành các hồ và các thông tin, số liệu có liên quan thống nhất trên toàn lưu vực.

5. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn khi cần thiết.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ trưởng các bộ, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo bảo đảm an toàn công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

Điều 34. Trách nhiệm của Chủ hồ

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo; thực hiện tính toán, xây dựng các kịch bản vận hành, điều tiết hồ và cung cấp thông tin, số liệu theo quy định của Quy trình này.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Điều tiết điện lực và về hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của các hồ chứa theo quy định. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6,

Đắk Mi 4, Sông Côn 2 bậc 1 và Sông Côn 2 bậc 2 còn phải truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng.

4. Việc truyền dữ liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia và Cục Điều tiết điện lực theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện hàng ngày.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành xả lũ qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột lưu lượng xả xuống hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam;

- Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả, Chủ hồ phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ và các Chủ hồ bậc dưới liền kề. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Đắk Mi 4 và Sông Côn 2 bậc 2 còn phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng;

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này. Khi vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và Bộ Công Thương.

Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Đắk Mi 4 và Sông Côn 2 bậc 2 còn báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng;

d) Việc thông báo tới các cơ quan quy định tại điểm b và điểm c khoản này được gửi qua fax hoặc chuyên bản tin bằng mạng vi tính hoặc đọc trực tiếp bằng điện thoại hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý;

đ) Khi xuất hiện các trường hợp bất thường quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất để xem xét, quyết định việc vận hành hồ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy trình này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện theo yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình này, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Đề xuất phương án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường để thống nhất phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố mà không thể vận hành hồ theo quy định của Quy trình này. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Đắk Mi 4, Sông Côn 2 bậc 1 và Sông Côn 2 bậc 2 còn phải báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

c) Đề xuất phương án, báo cáo Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam để xem xét, quyết định việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường quy định tại khoản 6 Điều 18 của Quy trình này;

d) Đề xuất phương án, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chế độ vận hành nếu xảy ra các tình huống hạn hán, thiếu nước theo quy định tại Điều 18 của Quy trình này.

8. Chủ hồ A Vương chủ trì, phối hợp với Chủ hồ Đắk Mi 4, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2, đập An Trạch, Hà Thanh, Nhà máy nước Cầu Đỏ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ; Chủ hồ Sông Tranh 2 chủ trì, phối hợp với Chủ hồ Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, đập Thanh Quýt, Bàu Nít và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ;

Điều 35. Trách nhiệm của Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam và Đà Nẵng

1. Thực hiện vận hành các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít theo quy định của Quy trình này.

2. Thực hiện chế độ quan trắc và cung cấp thông tin, số liệu theo quy định tại Điều 38, Điều 39 và Điều 40 của Quy trình này.

3. Lắp đặt camera giám sát việc vận hành đập và truyền tín hiệu hình ảnh về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, Cục Quản lý tài nguyên nước; xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít.

Điều 36. Trách nhiệm của Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng

1. Thực hiện vận hành Nhà máy nước Cầu Đỏ theo quy định của Quy trình này.

2. Khẩn trương nâng cấp, lắp đặt bổ sung đường ống dẫn nước từ đập dâng An Trạch về Nhà máy nước Cầu Đỏ để bảo đảm cấp nước an toàn cho thành phố Đà Nẵng.

3. Hàng ngày, thực hiện chế độ quan trắc và cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Tổ chức quan trắc liên tục độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của Nhà máy nước Cầu Đỏ ít nhất 01 giờ một lần;

b) Cung cấp các số liệu quan trắc tại điểm a khoản này cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, các Chủ hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6 và Sông Côn 2 bậc 1, Tổng cục Khí tượng Thủy văn và Cục Quản lý tài nguyên nước.

Điều 37. Trách nhiệm về an toàn các công trình

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì Chủ hồ liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ liên quan có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương để chỉ đạo xử lý, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đối với các hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Sông Côn 2 (bậc 1 và bậc 2); Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam đối với các hồ Sông Tranh 2, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c và Khe Diên để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

4. Nếu phát hiện sự cố các công trình thủy lợi ở hạ du, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi xảy ra sự cố có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án khắc phục với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xử lý, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai.

5. Hàng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến

hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, Bộ Công Thương để theo dõi, chỉ đạo.

6. Trường hợp có sự cố công trình hoặc trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 31 tháng 8, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 5 Điều này để chỉ đạo, xử lý.

Điều 38. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hàng ngày, Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện 01 bản tin dự báo tại các Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu vào 15 giờ;

b) Hàng ngày, Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

c) Hàng ngày, Chủ các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít tổ chức đo đạc, quan trắc mực nước thượng, hạ lưu đập, tối thiểu 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ và chế độ vận hành các cửa van của các đập An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn. Tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai);

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn theo quy định;

- Thực hiện bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại các Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu. Tần suất thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo theo quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu đạt giá trị tương ứng với các cấp báo động lũ và giá trị mực nước quyết định vận hành hồ giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 15 phút một lần;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới;

- Đối với Chủ hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Sông Bung 2 còn phải theo dõi và phát hiện thời điểm lưu lượng về hồ đạt các giá trị tương ứng theo quy định của Quy trình này và báo cáo tới Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.

3. Hàng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Tổng cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện

bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn và khả năng xuất hiện lũ trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn để phục vụ việc điều hành, vận hành các hồ theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

Điều 39. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ, chủ đập phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, các Chủ hồ trước 16 giờ hàng ngày;

b) Chủ hồ phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Quy trình này cho Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ và các hồ bậc dưới liền kề trước 10 giờ hàng ngày. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4 và Đắk Mi 4 còn phải cung cấp cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng;

c) Các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít phải cung cấp các số liệu quan trắc tại điểm c khoản 1 Điều 38 cho Cục Quản lý tài nguyên nước và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trước 10 giờ hàng ngày. Riêng đối với các đập An Trạch và Hà Thanh còn phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, Tổng Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp ngay và liên tục các số liệu, bản tin cảnh báo, dự báo quy định tại điểm a

khoản 2 Điều 38 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng và các Chủ hồ.

Khi mực nước tại các Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu đạt các cấp báo động lũ và vượt mực nước quyết định vận hành hồ giảm lũ cho hạ du quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy trình này thì phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, các Chủ hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Sông Bung 2;

b) Chủ hồ phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Trung Trung Bộ và các chủ hồ bậc dưới liền kề. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 2, Sông Bung 4 và Đắk Mi 4 còn phải cung cấp cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng;

c) Chủ các hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Bung 4 và Sông Bung 2 phải thông báo việc xả nước đến các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít. Chủ hồ Sông Tranh 2 và Khe Diên phải thông báo việc xả nước đến các Chủ đập Thanh Quýt và Bàu Nít.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Các Chủ hồ có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Công Thương, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Quản lý tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

Quảng Nam để theo dõi, chỉ đạo. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Đắk Mi 4 còn phải báo cáo đến Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng;

b) Hàng năm, chậm nhất sau 15 ngày khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Bộ Công Thương, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia; Cục Quản lý tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam để theo dõi, chỉ đạo. Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Đắk Mi 4 còn phải báo cáo đến Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Bảng fax;

b) Chuyển bản tin bằng liên lạc;

c) Chuyển bản tin bằng mạng vi tính;

d) Thông tin trực tiếp qua điện thoại;

đ) Liên lạc bằng máy thông tin vô tuyến điện;

e) Các hình thức thông tin, liên lạc khác.

Điều 40. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa cạn

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn;

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn vào ngày 02 hàng tháng.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định; lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, mực nước thượng, hạ lưu hồ ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

- Đối với các Chủ hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng;

- Đối với các Chủ hồ Sông Bung 2, Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1 còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 30 ngày tới vào ngày 01 hàng tháng.

c) Các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít tổ chức đo đạc, quan trắc mực nước thượng, hạ lưu đập tối thiểu 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ và chế độ vận hành các cửa van của các đập An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Tổng cục Khí tượng Thủy văn: Chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, các Chủ hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên các số liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11, 21 hàng tháng.

b) Các Chủ hồ A Vương, Đắk Mi 4, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Sông Côn 2 bậc 1 cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng,

Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Khỉ tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ và Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia các số liệu:

- Mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu các hồ; lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du thực tế 10 ngày qua trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng đối với các hồ A Vương, Đắk Mi 4 và Sông Bung 4; 30 ngày qua trước 11 giờ vào ngày 01 hàng tháng đối với các hồ Sông Bung 2 và Sông Côn 2 bậc 1;

- Lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng đối với các hồ A Vương, Đắk Mi 4 và Sông Bung 4; 30 ngày tới trước 11 giờ vào ngày 01 hàng tháng đối với các hồ Sông Bung 2 và Sông Côn 2 bậc 1.

c) Các Chủ hồ Sông Tranh 2 và Khe Diên cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ và Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia các số liệu:

- Mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu các hồ; lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du thực tế 10 ngày qua trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng đối với hồ Sông Tranh 2 và 30 ngày qua trước 11 giờ vào ngày 01 hàng tháng đối với hồ Khe Diên;

- Lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng đối với hồ Sông Tranh 2 và 30 ngày tới trước 11 giờ vào ngày 01 hàng tháng đối với hồ Khe Diên.

d) Hàng ngày, các Chủ hồ A Vương 3, Za Hung, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Đắk Mi 2, Đắk Mi 3, Đắk Mi 4b, Đắk Mi 4c, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Sông Côn 2 bậc 2 cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ và Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia các số liệu quan trắc lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, mực nước thượng, hạ lưu hồ.

đ) Hàng ngày, các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít phải cung cấp các số liệu quan trắc tại điểm c khoản 1 Điều này cho Cục Quản lý tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng trước 10 giờ.

e) Chủ hồ A Vương và Sông Bung 4 phải thông báo kế hoạch xả nước ngày hôm sau cho Chủ hồ Sông Bung 4A, Sông Bung 5 và Sông Bung 6 trước 19 giờ hàng ngày.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Bằng fax;

b) Chuyển bản tin bằng liên lạc;

c) Chuyển bản tin bằng mạng vi tính;

d) Thông tin trực tiếp qua điện thoại;

đ) Liên lạc bằng máy thông tin vô tuyến điện;

e) Các hình thức thông tin, liên lạc khác.

Điều 41. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trịnh Đình Dũng

Phụ lục I

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA

(Kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thông số	Đơn vị	A Vương	Sông Tranh 2	Đắk Mi 4	Sông Bung 4	Sông Bung 4A	Sông Bung 5	Sông Bung 2	Sông Bung 6	A Vương 3	Za Hung	Đắk Mi 2	Đắk Mi 3	Đắk Mi 4b	Đắk Mi 4c	Sông Tranh 3	Sông Tranh 4	Khe Diên	Sông Côn 2	
																				Bậc 1	Bậc 2
I	**CÁC ĐẶC TRƯNG LƯU VỰC**																				
1	Diện tích lưu vực	km^2	682	1.100	1.125	1.448	2.276	2,369	334,0	2.386	258,4	537	445	612	29	82,6	1.450	1.610	72,0	81,0	250,1
2	Lưu lượng TB nhiều năm (Q_o)	m^3/s	39,8	114,0	67,8	73,7	91,8	118,0	18,7	119	16,4	34,1	28,4	40,4	1,1	3,39	140,6	154,70	4,02	4,20	13,0
3	Lưu lượng đỉnh lũ																				
-	P = 0,02%					15.427															
-	P = 0,1%	m^3/s	7.120	14.100	11.400	12.008	11.658	16.991	5.208	17.011			6470				17.019	18.062			
-	P = 0,2%	m^3/s					10.496		4.734	14.883		5.250		6.670	769	1.542		17.921	2.160	1.917	4.121
-	P = 0,5%	m^3/s	5.720	10.300	8.840			13.222	3.931	13.254	2854		5070				13.050	13.880			
-	P = 1%	m^3/s					9.086	11.866	3.393	11.914		4.084		4.980	621	1.203	11.415	13.767	1.770	1.470	3.217
-	P = 1.5%	m^3/s									2481										
II	**HỒ CHỨA**																				
1	MNDBT	m	380,0	175,0	258,0	222,5	97,40	60,0	605,0	31,8	552,5	450	630	359	105,3	67,2	71,5	46,50	206,94	340	278
2	MNC	m	340,0	140,0	240,0	205,0	95,40	58,5	565,0	31,8	551,6	445	624	353	105	66,2	70,5	45,50	187,40	319	276
3	MN max ứng P = 0,02%					228,11															

TT	Thông số	Đơn vị	A Vương	Sông Tranh 2	Đắk Mi 4	Sông Bung 4	Sông Bung 4A	Sông Bung 5	Sông Bung 2	Sông Bung 6	A Vương 3	Za Hung	Đắk Mi 2	Đắk Mi 3	Đắk Mi 4b	Đắk Mi 4c	Sông Tranh 3	Sông Tranh 4	Khe Diên	Sông Côn 2	
																				Bậc 1	Bậc 2
4	MN max ứng P = 0,1%	m	382,2	178,51	260,33		99,95		608,11	49,98			635,19				75,9				
5	MN max ứng P = 0,2%	m					98,87			48,33		457,27		363,96	107,28	68,86			211,78	345,68	281,97
6	MN max ứng P = 0,5%	m		175,76	258,20			64,0			559,45		633,46				72,8				
7	MN max ứng P = 1%	m					97,41	67,22		45,89				362,42	106,83	67,79			211,20	344,7	280,9
8	MN max ứng P = 1.5%	m									558,69										
9	Dung tích toàn bộ (W_{tb})	10^6m^3	343,55	729,2	312,38	510,8	10,6	20,27	94,3	3,29	2,94	1,12	1,611	5	0,688	2,67	34,1	24,81	50,98	29,19	1,2
10	Dung tích hữu ích (W_{hi})	10^6m^3	266,48	521,1	158,26	233,99	1,58	2,45	73,9	0	0,44	0,74	0,692	2,304	0,066	0,52	3,1	3,32	50,35	25,41	0,7
11	Dung tích chết (W_c)	10^6m^3	77,07	208,1	154,12	276,81	9,02	17,82	20,4	3,29	2,5	0,38	0,919	2,696	0,622	2,15	31,0	21,49	0,63	3,78	0,5
III	**CÔNG TRÌNH CỤM ĐẦU MỐI**																				
1	Loại đập		Bê tông đầm lăn RRC	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông
-	Cao trình đỉnh đập	m	383,4	180,0	262,0	229,0	101,0	68,0	609,0	50	559,9	458	637,5	364,5	110,5	70,5	76,5	52,5	212,3	346,7	283,5
-	Chiều cao đập max	m	80,0	96,0	90,0	114,0	46,0	41,5	96,0	39,2	22,9	25	30	30	23,5	11,5	36,5	25,0	41,0	48,0	16,5
-	Chiều dài đập theo đỉnh	m	228,1	640,0	556,8		85,0	158,87	477,0	294,5			37	53	131	18,25	184,44	64,5	204,0	167,0	125,0

TT	Thông số	Đơn vị	A Vương	Sông Tranh 2	Đắk Mi 4	Sông Bung 4	Sông Bung 4A	Sông Bung 5	Sông Bung 2	Sông Bung 6	A Vương 3	Za Hung	Đắk Mi 2	Đắk Mi 3	Đắk Mi 4b	Đắk Mi 4c	Sông Tranh 3	Sông Tranh 4	Khe Diên	Sông Côn 2	
																				Bậc 1	Bậc 2
2	Tràn xả lũ																				
-	Số khoang tràn	kh.	3	6	5	6	5	6	3			2	2			2	6	9			4
	Kích thước cửa van	mxm	14x17,5	14x14	14x16	12x12	15x17	13x15	12x14			6x8	11x12			8x11	15x16	14x16,5			12x8
-	Cao trình ngưỡng tràn	m	363	161,0	242,5	210,5	81,4	45,0	591,0			432	618			57	55,5	30,0			271,0
3	Tràn tự do																				
-	Cao trình ngưỡng tràn.	m								31,8	552,5	450	630	359	105,3	67,2			206,94	340,0	278,0
-	Chiều rộng tràn nước	m								110	60	6x16,5	2x36	144	18+37	10			80,0	60,0	44,0
IV	**LƯU LƯỢNG QUA NHÀ MÁY**																				
1	Q lớn nhất	m^3/s	78,4	245,0	128,0	166,0	166,4	239,24	34,5	239,8	22,7	53,4	44,36	76	130	140	301,6	298,0	11,3	9,7	25,0
2	Công suất lắp máy	MW	210,0	190,0	148,0	156,0	49,0	57,0	100,0	29	1,04	30	98	63	42	18	62,0	48,0	9,0	3,0	60,0
3	Số tổ máy	tổ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3

Phụ lục II

BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH CÁC HỒ CHỨA

(Kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HỒ CHỨA A VƯƠNG

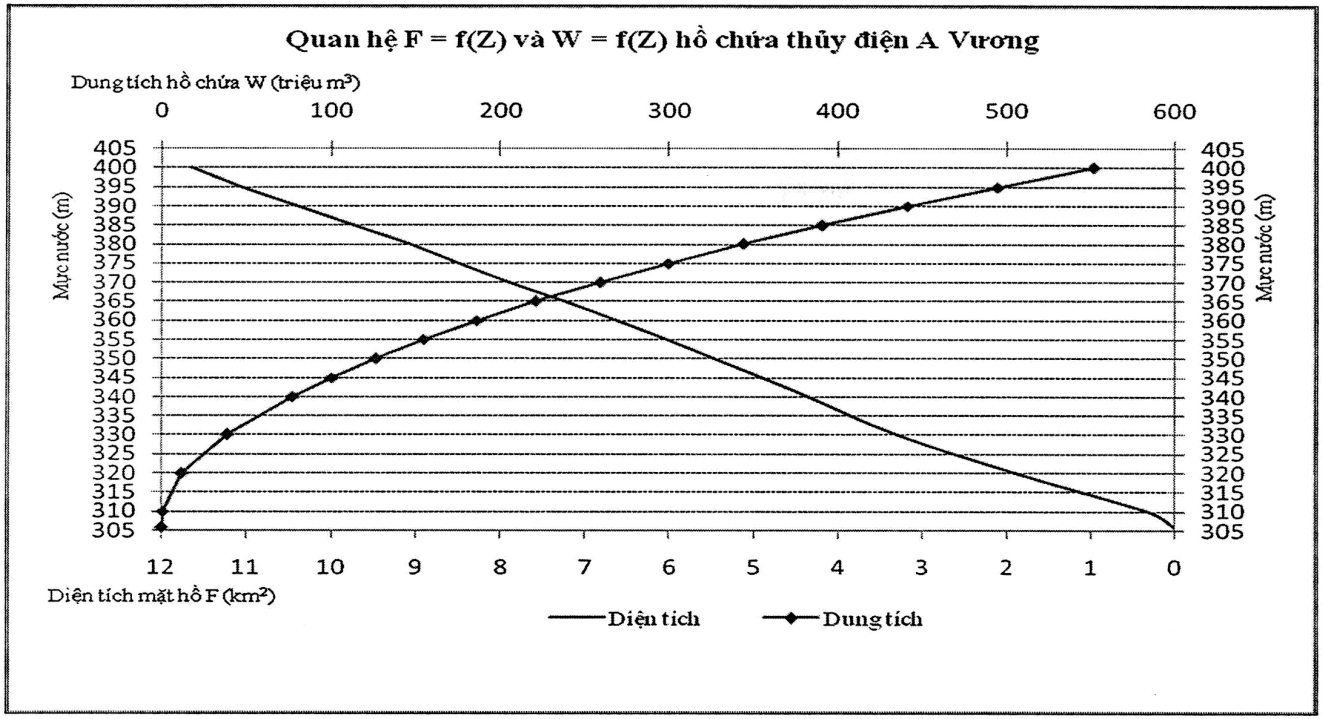

Z (m)	306	310	320	330	340	345	350	355	360	365	370	375	380	385	390	395	400
F (km^2)	0	0,31	1,89	3,30	4,34	4,89	5,47	6,02	6,61	7,24	7,89	8,48	9,09	9,75	10,40	11,05	11,66
W ($10^6 m^3$)	0	0,66	11,96	38,90	77,07	100,13	126,01	154,73	186,29	220,90	258,72	299,63	343,55	390,64	441,01	494,62	551,39

II. HỒ CHỨA SÔNG TRANH 2

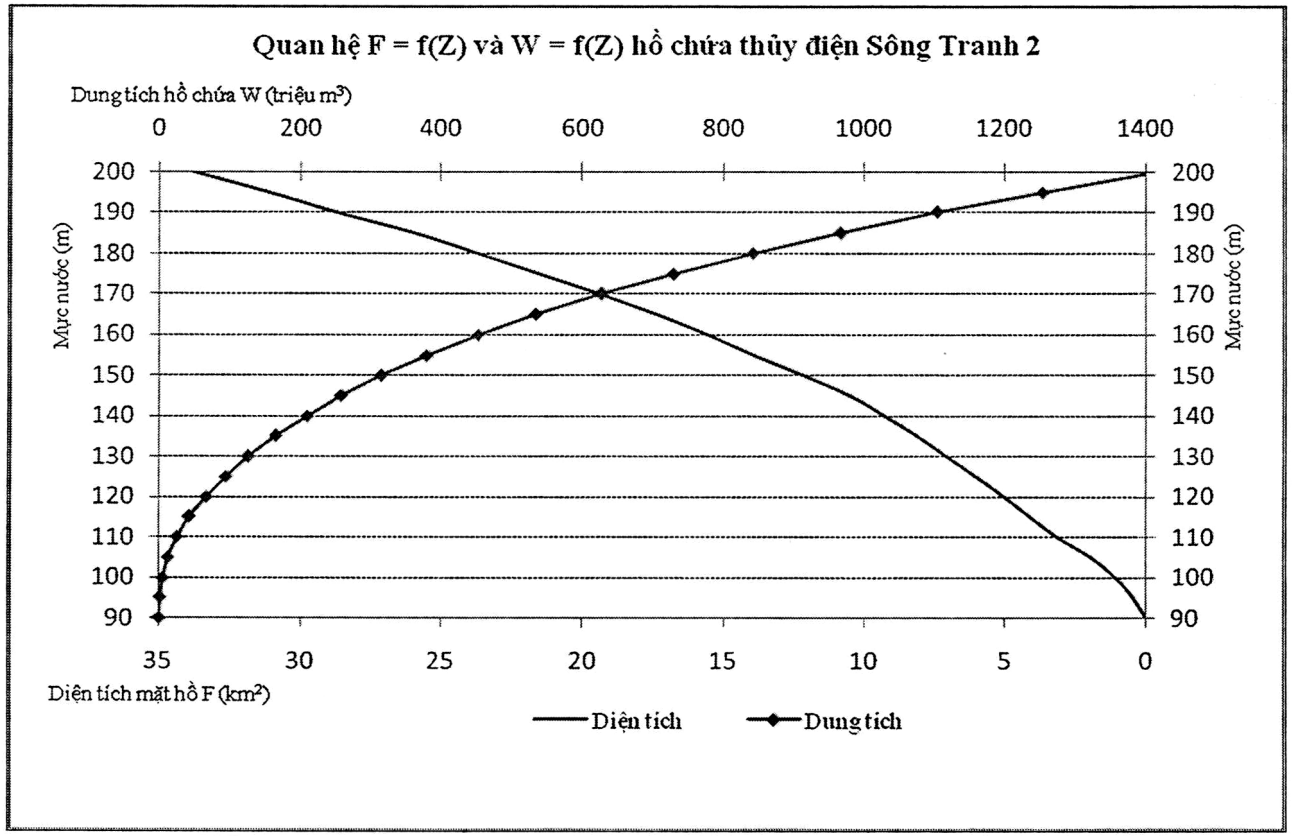

Z (m)	89,5	90	95	100	105	110	115	120	125	130	135	140	145	150	155	160	165	170	175	180	185	190	195	200
F (km^2)	0,000	0,02	0,49	1,06	1,97	3,17	4,14	5,02	6,02	7,09	8,15	9,27	10,49	12,18	13,87	15,53	17,41	19,42	21,52	23,66	25,98	28,75	31,11	33,81
W ($10^6 m^3$)	0,00	0,00	1,02	4,80	12,26	24,99	43,21	66,08	93,64	126,38	164,45	207,97	257,34	313,96	379,04	452,50	534,81	626,83	729,14	842,05	966,10	1102,87	1252,48	1414,73

III. HỒ CHỨA ĐẮK MI 4

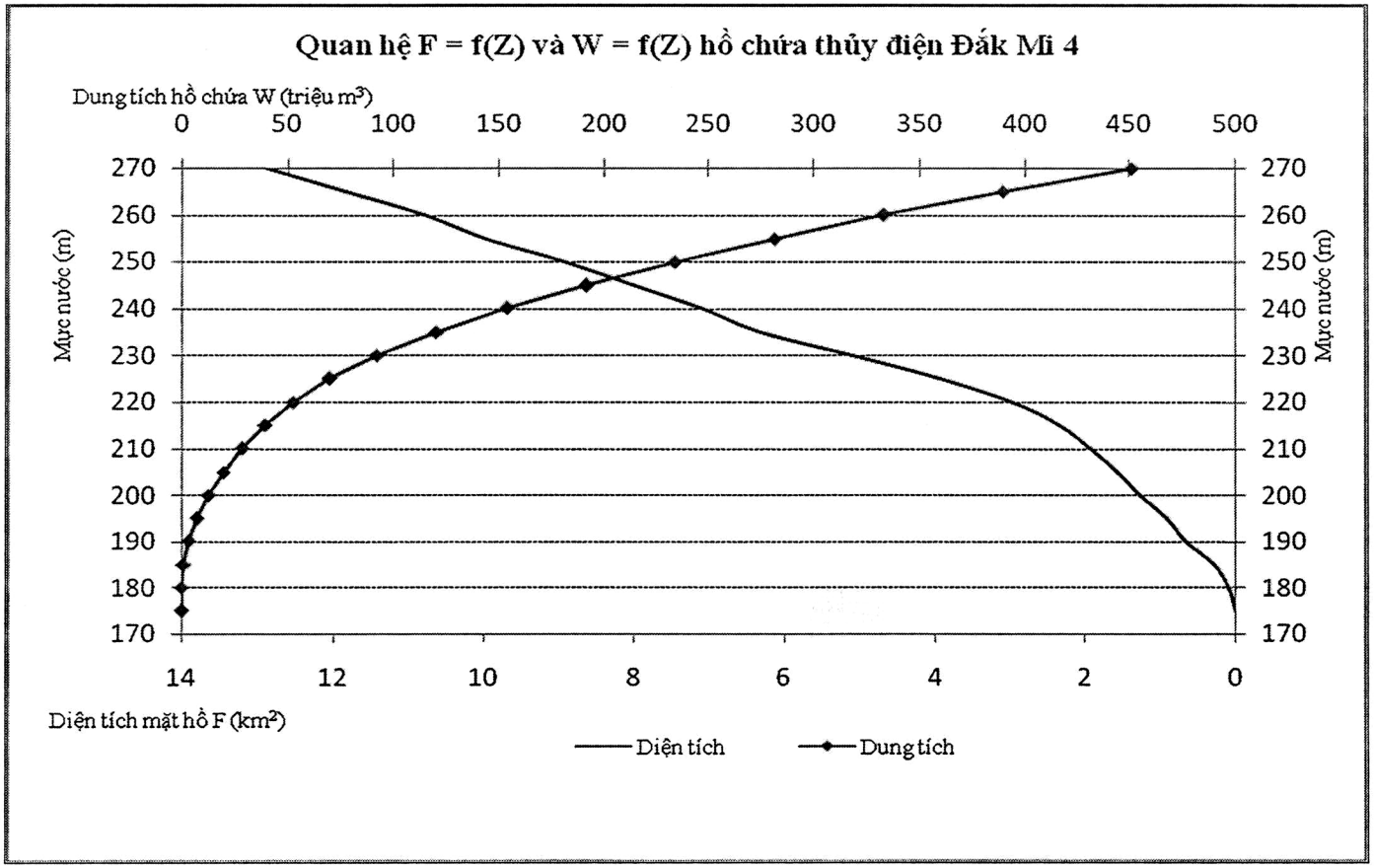

Z (m)	175	180	185	190	195	200	205	210	215	220	225	230	235	240	245	250	255	260	265	270
F (km^2)	0	0,09	0,28	0,66	0,91	1,26	1,56	1,92	2,33	2,95	3,93	5,08	6,31	7,10	8,00	8,91	9,97	10,80	11,84	12,87
W ($10^6 m^3$)	0	0,22	1,14	3,49	7,39	12,81	19,87	28,57	39,19	52,39	69,60	92,14	120,61	154,12	191,86	234,13	281,31	333,09	389,68	451,45

IV. HỒ CHỨA SÔNG BUNG 4

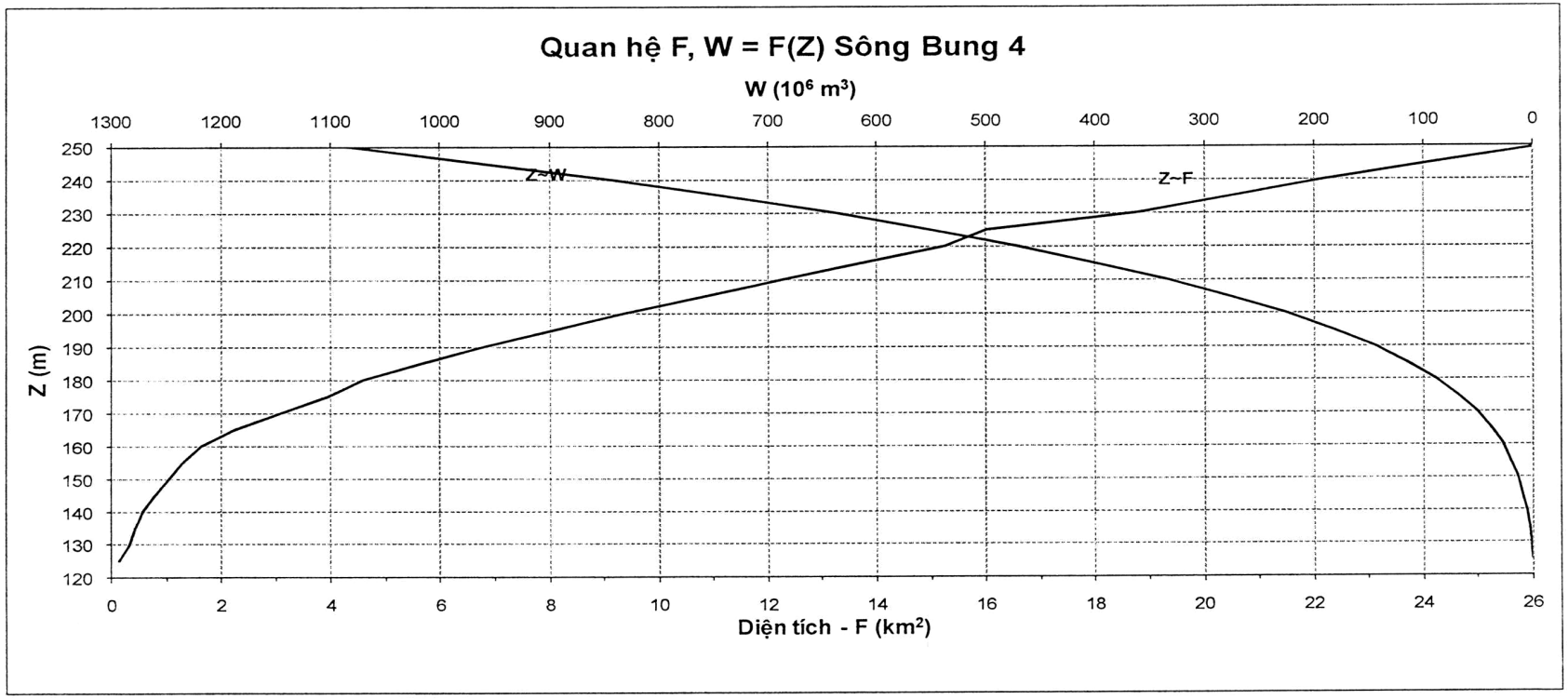

Z (m)	125	130	135	140	145	150	155	160	165	170	175	180	185
F (km^2)	0,159	0,338	0,448	0,589	0,784	1,055	1,298	1,649	2,231	3,104	3,926	4,593	5,649
W (10^6m^3)	0,265	1,48	3,438	6,022	9,443	14,02	19,89	27,24	36,91	50,18	67,72	88,99	114,6
Z (m)	190	195	200	205	210	215	220	225	230	235	240	245	250
F (km^2)	6,817	8,056	9,387	10,8	12,26	13,7	15,27	16,03	18,8	20,48	22,25	24,17	26,32
W (10^6m^3)	145,7	182,8	226,4	276,8	334,4	399,3	471,7	549,9	636,9	735,1	841,8	957,8	1084

V. HỒ CHỨA SÔNG BUNG 2

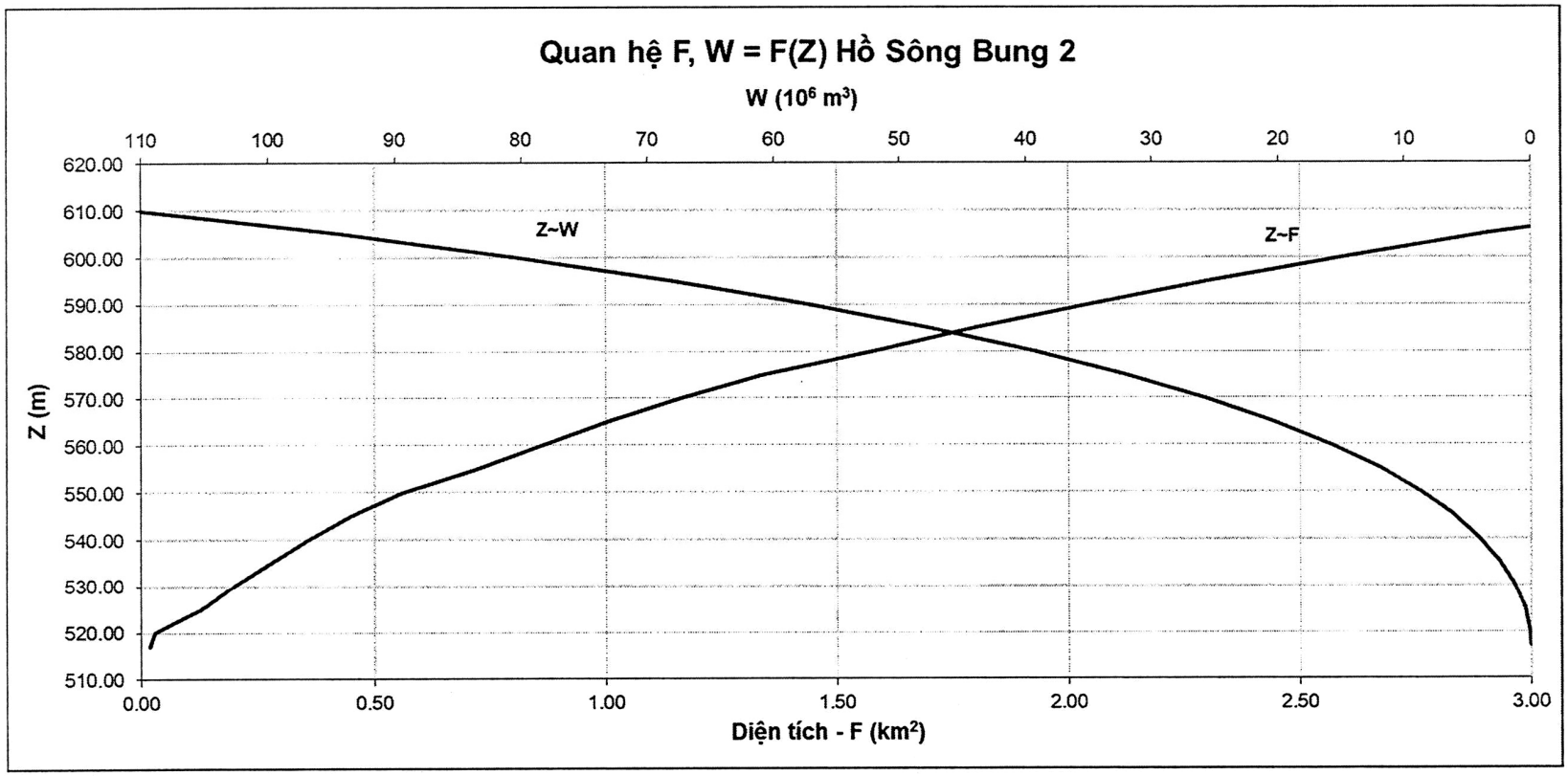

Z (m)	517	520	525	530	535	540	545	550	555	560	565
F (km^2)	0,02	0,03	0,13	0,20	0,28	0,36	0,45	0,56	0,72	0,86	1,00
W ($10^6 m^3$)	0,05	0,11	0,49	1,31	2,5	4,09	6,11	8,64	11,81	15,76	20,39
Z (m)	570	575	580	585	590	595	600	605	610	615	620
F (km^2)	1,16	1,34	1,58	1,8	2,05	2,31	2,6	2,91	3,28	3,64	4,04
W (10^6 m^3)	25,8	32,09	39,37	47,78	57,38	68,26	80,52	94,32	109,8	127,1	146,55

Phụ lục III

KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH CÁC HỒ TRONG MÙA CẠN

(Kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)													
			A Vương		Đắk Mi 4		Sông Tranh 2		Sông Bung 4		Sông Bung 2		Khe Diên		Sông Côn 2 bậc 1	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
1	16/12	20/12	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6	602,0	603,0	204,3	205,3	337,0	338,0
2	21/12	31/12	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6						
3	01/01	10/01	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6	601,2	602,2	204,3	205,3	337,0	338,0
4	11/01	20/01	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6						
5	21/01	31/01	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6						
6	01/02	10/02	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6	599,4	600,4	204,2	205,2	336,6	337,6
7	11/02	20/02	375,2	378,1	254,7	256,4	171,3	173,4	218,0	219,6						
8	21/02	28/02 (29/02)	374,5	377,6	254,7	256,4	171,2	173,3	218,0	219,6						

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)													
			A Vương		Đắk Mi 4		Sông Tranh 2		Sông Bung 4		Sông Bung 2		Khe Diên		Sông Côn 2 bậc 1	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
9	01/3	10/3	373,7	377,0	254,7	256,4	170,8	172,9	217,8	219,4						
10	11/3	20/3	372,9	376,0	254,7	256,4	170,3	172,3	217,6	219,2	598,2	599,2	204,0	205,1	335,3	336,4
11	21/3	31/3	371,9	374,9	254,6	256,2	169,5	171,6	217,4	218,9						
12	01/4	10/4	370,8	373,4	254,3	255,9	169,1	171,3	217,0	218,6						
13	11/4	20/4	369,4	372,2	253,9	255,5	168,3	170,5	216,6	218,2	596,6	597,7	203,4	204,5	333,6	334,8
14	21/4	30/4	368,5	371,3	253,6	255,1	167,6	169,8	216,3	217,9						
15	01/5	10/5	367,4	370,6	253,3	254,8	167,0	169,0	216,1	217,6						
16	11/5	20/5	366,3	369,5	253,1	254,6	166,3	168,1	215,7	217,1	592,9	594,2	202,3	203,7	332,0	333,2
17	21/5	31/5	364,1	366,8	252,5	253,8	163,1	164,9	214,7	216,1						
18	01/6	10/6	361,5	363,7	251,5	252,7	159,6	161,2	213,5	215,2						
19	11/6	20/6	358,5	360,8	250,1	251,4	156,3	157,4	212,5	214,1	585,9	587,3	200,0	201,9	328,2	329,7
20	21/6	30/6	356,3	359,2	248,6	250,0	154,8	155,9	211,3	212,8						

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)													
			A Vương		Đắk Mi 4		Sông Tranh 2		Sông Bung 4		Sông Bung 2		Khe Diên		Sông Côn 2 bậc 1	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
21	01/7	10/7	354,8	357,1	247,5	248,9	152,9	154,1	210,8	212,0	578,1	580,0	198,2	199,9	325,4	327,2
22	11/7	20/7	352,8	354,9	246,5	247,9	151,1	152,3	210,1	211,2						
23	21/7	31/7	351,3	353,0	245,3	246,7	149,5	150,7	209,2	210,4						
24	01/8	10/8	348,9	350,7	243,8	245,4	147,5	148,8	208,6	209,8	572,0	574,2	195,1	197,5	322,5	324,5
25	11/8	20/8	346,1	348,0	242,4	244,0	145,7	147,0	207,5	208,7						
26	21/8	31/8	343,3	345,4	240,5	242,5	143,2	145,1	206,3	207,5						

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng